TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST
Ngày 13-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngũ Minh Luận

Bà Dương Thị Bạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2018/TLST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-KDTM, ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH P; trụ sở: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp L III, xã A, huyện T, tỉnh T

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Lê Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh T– Chức vụ: Kế toán (theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2018), (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH H; trụ sở: Khu phố H, phường T, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông O– Tổng giám đốc; địa chỉ: 1706, S P A, S-g, H, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 04/5/2018, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2017, Công ty TNHH P (sau đây viết tắt là Công ty P) có ký kết hợp đồng kinh tế số 01/2017/PQ-HS về việc mua bán hàng hóa với Công ty TNHH H (sau đây viết tắt là Công ty H). Theo hợp đồng kinh tế thì Công ty P đồng ý bán cho Công ty H các loại mút xốp, giá cung ứng hai bên thống nhất theo bảng giá đang có hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng mà Công ty P báo cho Công ty H (Điều 1 hợp đồng kinh tế). Phương thức thanh toán: Cuối tháng hai bên tiến hành kết toán và đối chiếu công nợ, đối chiếu xong thì Công ty P xuất hóa đơn tài chính cho Công ty H. Thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày kết toán công nợ (Điều 2 hợp đồng kinh tế).

Để thực hiện hợp đồng, Công ty P đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng giao cho Công ty H từ tháng 9/2017 đến tháng 4/2018.

Ngày 30/4/2018, giữa hai bên cùng quyết toán công nợ. Tại biên bản quyết toán công nợ, người đại diện theo pháp luật của Công ty H đã ký tên, đóng dấu mộc của Công ty để xác nhận còn nợ của Công ty P số tiền 155.262.005 đồng. Từ sau ngày hai bên ký xác nhận công nợ đến nay, mặc dù Công ty P đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thanh toán nhưng cho đến nay Công ty H vẫn chưa thanh toán tiền hàng mà Công ty P đã cung cấp. Do đó, nay Công ty P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc Công ty TNHH H phải trả cho Công ty TNHH P số tiền còn thiếu như sau:

Phiếu xuất kho kèm hóa đơn giá trị gia tăng:

+ Tháng 9/2017 là 17.604.111 đồng

+ Tháng 10/2017 là 9.321.744 đồng.

+ Tháng 11/2017 là 2.570.777 đồng.

+ Tháng 12/2017 là 109.141.298 đồng.

+ Tháng 01/2018 là 3.718.891 đồng.

+ Tháng 3/2018 là 6.175.303 đồng.

+ Tháng 4/2018 là 6.729.881 đồng.

Riêng tháng 02/2018 Công ty P không phát sinh việc xuất kho hàng cho Công ty H.

Tổng cộng số tiền mà Công ty TNHH P yêu cầu Tòa án buộc Công ty H phải trả là 155.262.005 đồng. Công ty P không yêu cầu Tòa án tính lãi đối với số tiền trên.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu thêm nội dung nào khác.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH P; hợp đồng kinh tế số 01 ngày 02/01/2017; bảng liệt kê chứng từ; các Hóa đơn giá trị gia

tăng số 0000167 ngày 30/9/2017; số 0000186 ngày 28/10/2017; số 0000215 ngày 30/11/2017; số 0000251 ngày 30/12/2017; số 0000274 ngày 31/01/2018; số 0000322 ngày 30/3/2018; số 0000326 ngày 12/04/2018; bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2018.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty TNHH H trả số tiền 155.262.005 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn không đến làm việc cũng như không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An trình bày: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng hóa còn nợ, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH H có trụ sở tại khu phố H, phường T, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Do đó, theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương có thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH H là ông O S M. Ông O S M đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 23, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn theo quy định.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Theo hợp đồng kinh tế số 01/2017/PQ-HS lập ngày 02/01/2017 thì

giữa Công ty P và Công ty H có xác lập quan hệ mua bán hàng hóa là mút xốp. Những nội dung mà các bên thỏa thuận, xác lập trong hợp đồng là do các bên hoàn toàn tự nguyện, khi xác lập các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm đạo đức xã hội và điều cấm của pháp luật nên là cơ sở pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã cung cấp cho Công ty H 167.874 mút xốp các loại, tương ứng số tiền 155.262.005 đồng. Số tiền này đến nay Công ty H chưa thanh toán cho Công ty P. Do đó, Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty H phải thanh toán số tiền 155.262.005 đồng.

[2.2] Với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2018 có chữ ký, và dấu xác nhận của 02 bên, thể hiện: Công ty H do ông O S M là đại diện theo pháp luật đã ký tên, đóng dấu của Công ty H để xác nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền là 155.262.005 đồng. Qua so sánh, đối chiếu số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn giữa Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2018 và Bản chi tiết hàng hóa cung cấp cho bị đơn là hoàn toàn phù hợp nhau. Mặt khác, tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2018 có ghi *"...Nếu có trường hợp có sự khác biệt, Quý khách vui lòng xác nhận bên dưới này giúp chúng tôi*" nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty H không có bất kỳ ý kiến nào về việc không đồng ý với số tiền trong biên bản đối chiếu công nợ nên có cơ sở để xác định bị đơn hoàn toàn đồng ý với nội dung của biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2018. Như vậy, Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền 155.262.005 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp.

[2.3] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P và cần buộc bị đơn Công ty TNHH H phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền hàng còn nợ là 155.262.005 đồng.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.6] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên toàn bộ số tiền có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 30; Điều 39; Điểm b, Khoản 2 Điều 227; Khoản 3, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 24, Điều 50, 55 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án**.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH P đối với bị đơn Công ty TNHH H về việc: "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

Công ty TNHH H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH P số tiền 155.262.005 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn không trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH H phải chịu 7.763.100 đồng (bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn một trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH P số tiền tạm ứng án phí 3.881.550 đồng (ba triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm năm mươi đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0023511 ngày 22/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tố Uyên